

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK GLONG,  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/DS-ST  
Ngày: 10-5-2024  
V/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG, TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Đức
2. Bà Phạm Thị Hằng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa:** Bà Cao Thị Thu Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 93/2023/TLST-DS, ngày 11/10/2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXX-ST ngày 28/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-DS ngày 19/4/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị H (Cố mặt), sinh năm 1966.

Địa chỉ: số A, đường T, tổ dân phố B, thị trấn M, huyện Đ, tỉnh L.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn P (Cố đơn đề nghị xét xử vắng mặt), sinh năm 1975 và bà Võ Thị B (Vắng mặt), sinh năm 1979.

Địa chỉ: thôn Đ, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đ

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn (bà Vũ Thị H) trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:* Do có quen biết nhau và ông P, bà B có nói đang cần vốn để làm ăn nên vào ngày 29/6/2023, bà H đã cho vợ chồng ông Phạm Văn P (1975) và bà Võ Thị B (1979), cùng trú tại thôn Đ, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đ vay số tiền 450.000.000 đồng, với thời hạn vay từ ngày 29/6/2023 đến ngày 30/7/2023, vay không lãi, khi vay hai bên có viết giấy vay

tiền do ông P viết có ký nhận của ông P và bà B, 01 bản và giao cho bà H giữ. Đây là số tiền của riêng của bà H, không liên quan đến ai cả. Đến thời hạn trả nợ, bà H đã đến gặp ông P và bà B để yêu cầu trả số tiền gốc nhưng ông P và bà B không trả cho bà H, bà H cũng đã đến gặp nhiều lần để yêu cầu ông P và bà B phải thanh toán số tiền nợ gốc đã vay nhưng vẫn không trả cho bà H. Sau đó, vợ chồng ông P và bà B có hứa hẹn với bà H là hẹn vào ngày 30 hàng tháng sẽ trả số tiền 20.000.000 đồng nhưng vẫn không trả cho bà H một phần tiền gốc nào cả. Nay, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Văn P và bà Võ Thị B phải thanh toán cho bà H tổng số tiền là 483.600.000 đồng, trong đó: số nợ gốc đã vay là 450.000.000 đồng và 33.600.000 đồng tiền lãi (tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 01/8/2023 cho đến ngày 30/4/2024 với mức lãi suất là 0,83%/tháng).

*Theo lời trình bày của bị đơn (ông Phạm Văn P và bà Võ Thị B) trong quá trình giải quyết vụ án:* Do có quen biết nhau và cần vốn để làm ăn nên vợ chồng ông P, bà B có vay của bà Vũ Thị H nhiều lần vay vào thời gian nào cụ thể thì không nhớ và đến ngày 29/6/2023, bà Vũ Thị H có đến nhà vợ chồng ông P, bà B và yêu phải xác nhận nợ, bà H có viết 01 giấy nhận nợ và đưa cho vợ chồng ông P, bà B ký và giấy nhận nợ, nội dung giấy nhận nợ là vợ chồng ông P, bà B có vay của bà H số tiền 450.000.000 đồng, với thời hạn vay từ ngày 29/6/2023 đến ngày 30/7/2023, vay không lãi, có ký nhận của vợ chồng ông P và bà B, 01 bản và giao cho bà H giữ. Đối với số tiền 450.000.000 đồng bao gồm số tiền gốc mà vợ chồng ông P, bà B đã vay trước đó và số tiền lãi phát sinh đến ngày 29/6/2023 nên bà H viết gộp lại tổng cộng vay là 450.000.000 đồng. Vợ chồng ông P, bà B thừa nhận đến ngày 29/6/2023, còn nợ bà Vũ Thị H là 450.000.000 đồng, vợ chồng ông P và bà B đồng ý trả cho bà H số tiền 450.000.00 đồng và khoản tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 01/8/2023 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ với mức lãi suất là 0,83%/tháng nhưng hiện tại kinh tế gia đình đang rất khó khăn nên xin bà H cho được trả dần số tiền này trong 03 quý năm 2024, cụ thể: Cuối tháng 6/2024 trả 150.000.000 đồng, cuối tháng 9/2024 trả 150.000.000 đồng và cuối tháng 12/2024 trả 150.000 đồng còn lại và toàn bộ khoản lãi phát sinh.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đã tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật.

Về nội dung vụ án: căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đã đề nghị Hội đồng

xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H đối với ông Phạm Văn P và bà Võ Thị B về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, buộc ông Phạm Văn P và bà Võ Thị B phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Vũ Thị H tổng số tiền là 483.600.000 đồng (trong đó: nợ gốc là 450.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 33.600.000.000 đồng). Về án phí dân sự: ông Phạm Văn P và bà Võ Thị B phải chịu số tiền 23.344.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Vũ Thị H số tiền 11.382.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

### **1. Về thủ tục tố tụng:**

1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Vũ Thị H khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn P và bà Võ Thị B phải thanh toán khoản tiền vay chưa thanh toán và khoản tiền lãi quá hạn phát sinh từ hợp đồng vay tiền nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn thường trú và sinh sống tại thôn Đ, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đ. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông.

1.2. Về sự vắng mặt của bị đơn: Đối với ông Phạm Văn P vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đối với bà Võ Thị B vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong đã tổng đạt hợp lệ để có mặt tại phiên tòa nhưng bà B vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mà không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử đã căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

### **2. Về nội dung yêu cầu khởi kiện:**

#### **2.1. Về số tiền nợ gốc đã vay và thời hạn trả nợ:**

Theo lời trình bày của nguyên đơn (bà Vũ Thị H) thể hiện: Vào ngày 29/6/2023, bà H có cho ông Phạm Văn P và bà Võ Thị B vay số tiền 450.000.000 đồng, vay không lãi, thời hạn trả nợ là ngày 30/7/2023 và ông P có viết 01 giấy vay tiền, có ký nhận của ông P, bà B và giao cho bà H giữ; đến thời hạn trả nợ (ngày 30/7/2023) bà H đã đến gặp ông P, bà B để yêu cầu trả số tiền gốc đã vay nhưng vẫn không trả cho bà H; bà H có cung cấp cho Tòa án 01 bản gốc giấy vay tiền đề ngày 29/6/2023.

Theo lời trình bày của bị đơn (ông Phạm Văn P và bà Võ Thị B) thể hiện: Ông P và bà B có vay tiền của bà H nhiều lần và vào ngày 29/6/2023 tại nhà ông P thì ông P đã viết giấy vay tiền để xác nhận số tiền ông P, bà B còn nợ bà H là 450.000.000 đồng, chữ ký trong giấy vay tiền đề ngày 29/6/2023 là của ông P, bà B và thời hạn trả nợ là ngày 30/7/2023; ông P, bà B đồng ý thanh toán cho bà H số tiền gốc còn nợ là 450.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh nhưng xin được trả dần số tiền này.

Theo Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

*“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay pH hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng...”*

Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định:

*“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.*

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đã thể hiện giữa nguyên đơn và bị đơn có việc giao kết hợp đồng vay tiền, hình thức và nội dung thỏa thuận việc vay tiền giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với các quy định của pháp luật; đến thời hạn trả nợ (ngày 30/7/2023) thì bị đơn đã không thanh toán cho nguyên đơn số tiền đã vay là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm thỏa thuận đã giao kết. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn pH thanh toán tiền gốc đã vay là 450.000.000 đồng là có căn cứ và cần chấp nhận.

## 2.2. Về khoản tiền lãi phải thanh toán (33.600.000 đồng):

Theo nguyên đơn trình bày và giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp thì thời hạn vay tiền là từ ngày 29/6/2023 đến ngày 30/7/2023 vay không lãi, đến ngày 30/7/2023 bị đơn đã không trả cho nguyên đơn số tiền đã vay, sau ngày 30/7/2023 khoản tiền vay chuyển sang quá hạn và nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi quá hạn với mức 0,83%/tháng với thời gian là 9 tháng (từ ngày 01/8/2023 đến ngày 30/4/2024) với số tiền lãi là 33.600.000 đồng. Việc nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải chịu lãi suất quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán sau ngày đến hạn trả nợ (từ ngày 01/8/2024) đến ngày 30/4/2024 và mức lãi suất là 0,83%/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận buộc bị đơn pH trả cho nguyên đơn số tiền lãi là 33.600.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ (số tiền 483.600.000 đồng) nên bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 23.344.000 đồng (20 triệu + 83.600.000 đồng x 4%).

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 274, Điều 280, Điều 357, Điều 401, Điều 463, Điều 465, Điều 466

và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (bà Vũ Thị H) đối với bị đơn (ông Phạm Văn P và bà Võ Thị B) về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

1. Buộc ông Phạm Văn P và bà Võ Thị B phải thanh toán cho bà Vũ Thị H tổng số tiền là 483.600.000 đồng (*Bốn trăm tám mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng*), trong đó: số nợ gốc là 450.000.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi triệu*) và tiền lãi là 33.600.000 đồng (*Ba mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Phạm Văn P và bà Võ Thị B phải nộp số tiền 23.344.000 đồng (*Hai mươi ba triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Vũ Thị H số tiền 11.382.000 đồng (*Mười một triệu ba trăm tám mươi hai nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001861 ngày 11/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

*Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND huyện Đăk Glong (02);
- Chi Cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Trung Dũng**